

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC GIỚI
TRONG GIẢNG DẠY BỘ MÔN NGỮ VĂN**

Môn: Ngữ văn

Cấp học: Trung học phổ thông

Tên tác giả: VŨ ĐỖ QUYÊN

Đơn vị công tác: Trường THCS-THPT Lương Thế Vinh

NĂM HỌC 2020-2021

1. MỞ ĐẦU

I. Lí do chọn đề tài

Từ trước tới nay trong xã hội vẫn tồn tại những định kiến về giới. Đó là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò, về năng lực của nam hoặc nữ. Chẳng hạn, định kiến nội trợ là việc của phụ nữ, không phải việc của nam giới. Các định kiến giới nhiều khi đã trở thành áp lực đối với hai giới và cản trở các cá nhân thực hiện công việc mà người đó có đủ khả năng đảm nhận.

Ví dụ: Nam giới được coi là trụ cột của gia đình, là người kiếm tiền chính, nhưng trong thực tế có rất nhiều người phụ nữ là trụ cột và người kiếm tiền chính trong gia đình. Trong khi đó có những nam giới vì lý do nào đó họ không có khả năng đảm nhiệm vai trò này. Định kiến giới đã tạo áp lực cho những người nam giới này.

Chúng ta từng nghe những câu ngạn ngữ, ca dao dưới đây với những tư tưởng mang nặng quan điểm trọng nam khinh nữ.

- Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử.
- Chàng như chỉ gắm thêu cờ, thiếp như rau má mọc bờ giếng khơi
- Đàn ông nông nổi giếng khơi - Đàn bà sâu sắc như cơi đựng trầu.

Xã hội phong kiến với tư tưởng “trọng nam khinh nữ” đã đề cao vai trò và địa vị của nam giới, đẩy phụ nữ xuống địa vị thấp hèn. Người phụ nữ bị trói buộc trong phạm vi gia đình và hoàn toàn bị lệ thuộc vào nam giới.

Định kiến giới với tư tưởng trọng nam khinh nữ đã hình thành nên tính gia trưởng của nam giới khiến họ trở nên có quyền thế ngoài xã hội và uy lực trong gia đình. Với tính gia trưởng, nam giới có quyền “đay vợ”, nam giới có quyền đòi hỏi vợ con phục vụ, thực hiện những yêu cầu của mình. Người phụ nữ với vị thế lệ thuộc, phải phục tùng, làm theo. Nếu trái ý hoặc chậm trễ họ dễ bị người chồng đối xử thô bạo, xúc phạm nhân phẩm.

Rõ ràng rằng, những quan điểm trọng nam khinh nữ truyền đạt qua tục ngữ ca dao như những ví dụ ở trên có tác động không nhỏ đến những biểu hiện gia trưởng và những biểu hiện bất bình đẳng khác giữa nam và nữ.

Trong trường phổ thông, vấn đề về giới chỉ được nhìn nhận và giảng dạy như một nội dung về sức khỏe sinh sản. Kể cả môn học ngữ văn, môn học nhằm bồi dưỡng tri thức về con người, về văn hóa, lối sống cũng chưa bao giờ đưa vấn đề giáo dục nhận thức về giới cho học sinh. Trong khi đó, học sinh THPT là lứa tuổi rất cần nhận thức đúng về giới để có thể làm chủ bản thân, tự tin bước vào cuộc sống. Vì vậy, chúng tôi muốn đưa ra sáng kiến lồng ghép những câu hỏi về “nhạy cảm giới” vào bài học để bên cạnh những kiến thức về văn học, các em có nhận thức đúng về quan hệ bình đẳng trong xã hội. Từ đó các em có những ứng xử đúng trong các mối quan hệ. Đặc biệt với các em nữ, các em có thể tự tin trong suy nghĩ và khát vọng.

II. Lịch sử vấn đề:

1. Giáo dục về giới trong nhà trường luôn được nhìn dưới góc độ sức khỏe sinh sản hoặc pháp luật

- Môn sinh học lớp 8 giới thiệu về giới tính
- Giáo dục công dân lớp 9 giới thiệu về hôn nhân và gia đình
- Giáo dục công dân lớp 10 “ Trách nhiệm của công dân với gia đình và xã hội”

2. Trong môn ngữ văn các nội dung liên quan đến giới chưa được đề cập hoặc nhìn nhận còn thiên lệch.

- Phần lớn các tác giả được lựa chọn đưa vào sách giáo khoa là nam giới vì vậy cách nhìn, đánh giá, khái quát cuộc sống... chủ yếu được xây dựng trên lăng kính của nam giới, điểm nhìn của nam giới và sự giả định của nam giới.

- Thiếu tiếng nói của nữ giới, những nhu cầu, mong muốn, nguyện vọng của nữ giới bị bỏ qua hoặc đồng nhất với sự phổ biến từ quan điểm của nam giới.

- Hình ảnh nữ giới thường xuất hiện, được mô tả, tái hiện, được làm nổi bật lên như người bị động, đáng thương, phụ thuộc, bất lực, nạn nhân của bạo lực, bóc lột, bất hạnh, uất ức...

- Phần lớn sách giáo khoa và sách giáo viên chưa có lồng ghép giới, chưa có nhạy cảm giới khi gợi ý, hướng dẫn người dạy và người học.

- Sách giáo viên vẫn nặng về tái hiện các vai trò giới, định kiến giới hơn là giúp cho người học có cái nhìn cấp tiến, đa chiều và nhạy cảm giới.

III. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu:

- Các tác phẩm văn học trong chương trình ngữ văn THPT
- Thành phần tham gia: Giáo viên và học sinh THPT

IV. Phương pháp nghiên cứu

Với đề tài và đối tượng như trên, sáng kiến tập trung sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

1. Phương pháp khảo sát, thống kê.
2. Phương pháp phân tích tác phẩm.
3. Phương pháp so sánh đối chiếu.

2. NỘI DUNG

I . Chọn tác phẩm và nội dung lồng ghép

I.1.Lựa chọn tác phẩm

Để có thể bao quát được chương trình, mỗi khối lớp chúng tôi lựa chọn một bài từ văn học dân gian, văn học trung đại, văn học hiện đại.

+ Lớp 10: Ca dao than thân – thuộc văn học dân gian. Bài học này vừa giúp học sinh hiểu quan niệm về tam tòng tứ đức trong xã hội phong kiến vừa thuận lợi để so sánh cho học sinh thấy sự thay đổi trong quan niệm ngày nay.

+ Lớp 11: Thương vợ - thuộc văn học trung đại. Bài học này vừa giúp học sinh hiểu quan niệm trọng nam khinh nữ trong thời phong kiến vừa thấy được nỗi vất vả của người phụ nữ xưa – dù chồng thương và đồng cảm nhưng người phụ nữ vẫn phải vất vả một mình trong việc mưu sinh.

+ Lớp 12: Chiếc thuyền ngoài xa – thuộc văn học sau 1975. Bài học này giúp học sinh hiểu được gánh nặng mưu sinh của các gia đình hàng chài. Nhưng nghèo đói, cực khổ không phải là nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình. Từ đó học sinh hiểu cần có cái nhìn đa diện về cuộc sống.

I.2.Nội dung lồng ghép trong bài học:

+ Lớp 10: Ca dao than thân – thuộc văn học dân gian. Bài học này vừa giúp học sinh hiểu ngày nay vẻ đẹp của nữ giới cần hài hòa cả hình thức và tâm hồn. Người phụ nữ có quyền bình đẳng và độc lập trong cuộc sống. Cần tôn trọng vẻ đẹp đa dạng, đa phong cách (bên cạnh những cô gái dịu dàng cũng có những cô gái đẹp khỏe khoắn hay vẻ đẹp theo phong cách tomboy). Mỗi người là một giá trị, học sinh – nhất là các em gái – cần biết tự hào và xây dựng vẻ đẹp cho riêng mình.

+ Lớp 11: Thương vợ - thuộc văn học trung đại. Bài học này giúp học sinh hiểu đúng về bình đẳng. Bình đẳng không phải là cào bằng trong công việc. Bình đẳng là biết cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Cụ thể, việc nội trợ trong gia đình không phải là việc của riêng người phụ nữ. Chồng, các con trai cần biết chia sẻ công việc. Thực sự bình đẳng sẽ tạo nên hạnh phúc gia đình.

+ Lớp 12: Chiếc thuyền ngoài xa - văn học sau 1975. Bài học này giúp học sinh hiểu được chịu đựng bạo lực, che giấu và chấp nhận bạo lực là dung túng và

làm gia tăng bạo lực trong gia đình. Sự chịu đựng của nạn nhân bạo lực không làm người bạo lực thay đổi. Người bị bạo hành phải lên tiếng tự bảo vệ mình. Có rất nhiều tổ chức xã hội bảo vệ nạn nhân bị bạo hành. Trẻ em lớn lên trong gia đình có bạo lực sẽ dễ có hành vi bạo lực khi trưởng thành. Mỗi cá nhân đều có trách nhiệm ngăn chặn bạo lực – nhất là bạo lực gia đình.

I.3. Đồ dùng dạy học:

Mỗi bài chúng tôi có tranh minh họa cho nội dung bài dạy (2-3 bức). Dưới mỗi bức tranh chúng tôi in sẵn một số câu hỏi gắn với bài học và có liên quan tới vấn đề nhạy cảm giới.

Khi dạy những tác phẩm trên, giáo viên sử dụng những tranh để minh họa, đồng thời có thể sử dụng những câu hỏi in sẵn để phục vụ nội dung bài giảng. Hệ thống câu hỏi in sẵn sẽ góp phần nhắc giáo viên chủ động giáo dục nội dung nhạy cảm giới cho học sinh.

Câu hỏi cho chùm ca dao than thân:

- Quan niệm trọng nam khinh nữ khiến người phụ nữ xưa cam chịu chỉ dám than thân. Điều ấy còn phù hợp với ngày nay?
- Thế nào là bình đẳng trong tình yêu và hạnh phúc?
- Nếu bị áp đặt trong tình yêu em sẽ làm gì?

Khi giáo viên đưa tranh cho học sinh quan sát. Cùng với việc tiếp nhận hình ảnh, các em đọc hệ thống câu hỏi dưới mỗi bức tranh. Nhờ vậy, học sinh đã có những suy nghĩ về vấn đề được nêu.

Câu hỏi cho chùm *Ca dao than thân*:

- Quan niệm trọng nam khinh nữ khiến người phụ nữ xưa cam chịu chỉ dám than thân. Điều ấy còn phù hợp với ngày nay?
- Thế nào là bình đẳng trong tình yêu và hạnh phúc?
- Nếu bị áp đặt trong tình yêu em sẽ làm gì?

Câu hỏi cho bài thơ *Thương vợ*:

- Biểu hiện của tình yêu thương trong gia đình?
- Việc nội trợ là của người phụ nữ - quan niệm ấy đúng hay sai?
- Chia đều, “cào bằng” công việc trong gia đình có phải là bình đẳng?

Câu hỏi cho tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa*:

- Có nên cam chịu như người đàn bà?
- Vì con, người đàn bà chấp nhận bị chồng đánh. Điều ấy có thực sự mang lại hạnh phúc cho các con?
- Hành động cam chịu của người đàn bà có làm tăng thêm bạo lực?

II. Tiến trình thực hiện:

Bước 1: Điều tra nhận thức của học sinh và chuẩn bị tranh minh họa cho bài giảng:

- Trước khi dạy, giáo viên chuẩn bị tranh minh họa và phát phiếu điều tra. Phiếu điều tra có thể phát ngay trước tiết học hoặc trước khi dạy 3 – 5 ngày. Thực tế cho thấy phiếu điều tra nên làm trước 3 – 5 ngày để giáo viên chủ động tìm hiểu nhận thức của học sinh. Từ đó giáo viên có thể điều chỉnh hệ thống câu hỏi trong bài giảng để mở rộng việc nhận thức về giới cho học sinh nếu cần.

Bước 2: Tổ chức dạy học:

- Đây là công việc chính, vì vậy việc chuẩn bị cần phải thật chu đáo, kĩ lưỡng.

Trước khi dạy học:

+ Với học sinh: giáo viên cần yêu cầu học sinh đọc kĩ văn bản và soạn bài ở nhà. Việc đọc trước văn bản sẽ giúp học sinh chủ động trong việc nhận thức.

+ Với giáo viên: Đọc văn bản, đọc kĩ giáo án mẫu và soạn lại giáo án (nếu cần) trước khi lên lớp. Ngoài bài dạy, giáo viên cũng cần đọc và tìm hiểu kiến thức về giới để chủ động hơn trong việc giảng dạy đồng thời có thể giải đáp được thắc mắc của học sinh (nếu có) trong quá trình lên lớp và cả những tâm sự, thắc mắc của học sinh ngoài giờ dạy.

Bước 3: Đánh giá tác động của bài giảng:

Với học sinh:

- Phát phiếu điều tra và kiểm tra lại kết quả nhận thức của học sinh (so sánh với bản điều tra trước khi học).

=> Học sinh đã có những nhận thức đầy đủ và đúng đắn hơn về giới, sự bình đẳng giới. Học sinh thấy cần có trách nhiệm hơn trước hành vi bạo hành. (ngăn chặn, báo các cơ quan chức năng khi có bạo hành xảy ra).

- Trong quá trình học, học sinh thể hiện sự hứng thú bởi bài học có ý nghĩa thực tế chứ không tách rời khỏi cuộc sống.

Với giáo viên:

- Qua giảng dạy, nhận thức của giáo viên về bình đẳng giới và bạo hành cũng được củng cố, mở rộng.
- Giáo viên hào hứng với bài giảng vì tiết học đem lại những bài học thực tế chứ không xa rời cuộc sống.
- Giáo viên thấy được việc lồng ghép kiến thức - về giới, về bạo hành nói riêng và về thực tế cuộc sống nói chung - trong bài giảng là cần thiết và có ý thức chủ động tiến hành.

III. Nội dung bài giảng

Bài Ca dao than thân:

Sách giáo viên chưa lồng ghép giới, chưa nhạy cảm giới, khi phân tích chỉ tái hiện lại và phân tích theo hướng khoét sâu thêm định kiến giới:

- *“Thân em như...” đã xác định rõ đây là lời than thân của người phụ nữ, cách mở đầu như vậy khiến cho lời than thêm ngậm ngùi, xót xa... gây sự chú ý với người nghe.*

- *“Thân em như....: được xem là “lời chung” của người phụ nữ trong xã hội cũ.*

- *Người phụ nữ “là loại người khổ nhất trong xã hội cũ”, “khổ vì thân phận của họ bị phụ thuộc, giá trị của họ không được ai biết đến” .*

(Sách giáo viên, Ngữ văn, lớp 10, tập 1, NXB Giáo dục)

Việc sách giáo viên hướng dẫn phân tích sâu hơn về nguyên nhân tình trạng thấp kém của phụ nữ đã thể hiện định kiến giới. Các cô gái luôn bị động trong việc thể hiện tình cảm, tình yêu đôi lứa và hướng đến ca ngợi sự kìm nén tình cảm như là đức hạnh của phụ nữ. Trong sách hướng dẫn phân tích bài ca dao (khăn thương nhớ ai...) cô gái nhớ người thương: cô gái không được chủ động bộc lộ lòng mình mà được bộc lộ một cách gián tiếp thông qua hình ảnh tượng trưng khăn, đèn, mắt.... cô hỏi khăn, đèn, mắt chính là để tự hỏi lòng mình, chứ không phải bộc lộ tình cảm

Hướng dẫn như vậy, sách giáo viên đã góp phần khắc sâu thêm định kiến giới đối với nữ giới trong đời sống tình cảm, tình yêu đôi lứa.

Khắc phục những hạn chế này, chúng tôi tiến hành tổ chức giờ học như sau:

I. Phần tìm hiểu chung: giáo viên giới thiệu những đặc trưng của ca dao – tiếng hát than thân yêu thương tình nghĩa. Qua ca dao ta hiểu được cuộc sống, tâm tư tình cảm của người lao động. Trong thể loại ca dao, những bài ca than thân chiếm một số lượng không nhỏ. Đó là lời than về cuộc sống vất vả, cơ cực, lời than bị áp bức...nhưng nhiều nhất là lời than về thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

II. Phần đọc hiểu văn bản:

Bài ca dao số 1:

Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai

Giáo viên cho học sinh xem tranh có tấm lụa đào, kết hợp tranh để phân tích nội dung lời than:

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận (có thể sử dụng câu hỏi có trên tranh)

Giáo viên phân tích từ “*Thân em*” , “*tấm lụa đào*” để thấy đây là tiếng hát than thân của cô gái trẻ : Thân phận cô gái được so sánh với tấm lụa đào, gợi vẻ đẹp duyên dáng, tươi tắn , đáng quý.→ cô gái ý thức được vẻ đẹp của mình.Tấm lụa đào được đặt ‘giữa chợ’ →Thân phận cô giống như một món hàng đem ra mua bán,mặc cả, trao đổi... Đây là tâm sự chung của những người phụ nữ bị lệ thuộc trong xã hội phong kiến.

Giáo viên cho học sinh xem tranh về tam tông, tứ đức. Giáo viên giới thiệu về quan niệm tam tông tứ đức trong xã hội phong kiến.

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận (có thể sử dụng câu hỏi có trên tranh) : Vẻ đẹp và số phận của các cô gái thời nay có gì khác xưa? Học sinh có thể trả lời theo nhiều cách hoặc nêu nhiều ví dụ khác nhau. Giáo viên tổng hợp và đưa ra nhận xét: Ngày nay vẻ đẹp các cô gái không phải theo một khuôn mẫu nhất định mà là sự đa dạng, có thể dịu dàng, hoặc cá tính, tomboy tùy theo tính cách của bạn. Quan trọng là sống có nhân cách, có đạo đức.

Bài ca dao số 2:

*Thân em như củ ấu gai
Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen
Ai ơi! Ném thử mà xem
Ném ra mới biết rằng em ngọt bùi*

Giáo viên cho học sinh xem tranh

Tiếng hát than thân của cô gái bị lỡ duyên : Cô gái trong bài được so sánh với củ ấu gai : ngoài đen , trong trắng, ngọt bùi.→ vẻ ngoài xấu xí , thô vụng . tâm hồn trong sáng, cao đẹp.→ ý thức được giá trị của mình .Tuy nhiên giá trị đó chưa được biết đến, cô gái buồn, xót xa vì bị lãng quên. Hai câu cuối : Lời mời gọi tha thiết” Ai ơi ném thử” mong muốn được hiểu , được khẳng định phẩm giá của bản thân . Thể hiện khát vọng mãnh liệt về hạnh phúc → cô gái mạnh mẽ, táo bạo.

Nhận xét: Quan niệm XHPK giá trị của người phụ nữ dựa trên khuôn mẫu “tam tòng tứ đức ” nên dư luận không chấp nhận sự khác lạ . chính vì thế người phụ nữ không được nhìn nhận , đánh giá một cách công bằng . Họ chỉ như một món hàng rẻ rúng, không có quyền lựa chọn số phận của mình dẫn đến cuộc đời lỡ dở.

III. Tổng kết:

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận (có thể sử dụng câu hỏi có trên tranh) Vẻ đẹp của các cô gái ngày nay?

=> Mỗi người là một cá thể độc lập, có vẻ đẹp ngoại hình, vẻ đẹp tâm hồn và phẩm giá riêng. Vẻ đẹp nào cũng cần được tôn trọng. Đặc biệt ngày nay, khi bình đẳng giới được đề cao, các cô gái cần nâng cao vẻ đẹp tâm hồn (bằng tri thức, văn hóa), chăm chút vẻ đẹp ngoại hình (bằng trang phục, đầu tóc phù hợp lứa tuổi, hoàn cảnh và đúng với cá tính mình hướng tới chứ không phải chạy đua theo hình thức, không cần bắt chước ai và cần tự tin với giá trị của mình.

=> **Bài học nhận thức:** Nam ,nữ trong xã hội đều bình đẳng: đều có vị trí , vai trò , được tạo điều kiện , cơ hội , thụ hưởng như nhau. Nhất là bình đẳng trong tình yêu : có quyền được bộc lộ cảm xúc, quyền quyết định tình yêu và hạnh phúc của mình.

Bài Thương vợ

Hướng dẫn phân tích bài thơ Thương vợ: Sách giáo viên nhấn mạnh: xã hội xưa “trọng nam khinh nữ”, coi người phụ nữ là thân phận phụ thuộc: xuất giá tòng phu (lấy chồng theo chồng), “phu xướng phụ tùy” (chồng nói vợ theo).

Một nhà nho như Tú Xương dám sòng phẳng với bản thân, với cuộc đời, tự thừa nhận mình là “quan ăn lương vợ”, không những đã biết nhận ra thiếu sót, mà còn dám tự nhận khiếm khuyết. Một con người như thế là một nhân cách đẹp.

Lời chửi trong hai câu kết là lời Tú Xương tự rửa mặt mình nhưng lại mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Ông chửi thói đời bạc bẽo, vì thói đời là một nguyên nhân sâu xa khiến bà Tú phải khổ (?). Từ hoàn cảnh riêng, tác giả lên án thói đời bạc bẽo chung” (Thương Vợ, - Trần Tế Xương, Sách giáo viên, Ngữ văn, lớp 11, tập 1, trang 39 - 40)

Như vậy sách giáo viên đã tuyệt đối hóa vai trò người đàn ông trong gia đình. Người đàn ông phải là trụ cột kinh tế. Không là trụ cột kinh tế là có lỗi. Quan điểm này thể hiện rõ định kiến giới.

Khắc phục những hạn chế này, chúng tôi tiến hành tổ chức giờ học như sau

I. Phần tìm hiểu chung: Giáo viên giới thiệu khái quát về tác giả Trần Tế Xương và đề tài người vợ trong thơ xưa.

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Hai câu đề:

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng

Giáo viên cho học sinh xem tranh, kết hợp tranh để phân tích nội dung câu thơ:

Không gian – Thời gian – Công việc -> nỗi vất vả nhọc nhằn của bà Tú. -> Ông Tú đã không gộp lại mà tách mình tương ứng với năm con làm nên sự cân bằng của hai đầu gánh nặng. Không những Tú Xương đã tái hiện khái quát nỗi vất vả, gian nan của bà Tú mà còn tự ý thức về sự đoảng vị của chính mình, đã không cùng vợ gánh vác các công việc gia đình. Những câu thơ chan chứa lòng biết ơn sâu sắc với người vợ. Và đó cũng là một biểu hiện của tình thương yêu.

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận (có thể sử dụng câu hỏi có trên tranh)

2. Hai câu thực:

Lăn lội thân cò khi quãng vắng

Eo xèo mặt nước buổi đò đông

Giáo viên cho học sinh xem tranh, kết hợp tranh để phân tích nội dung câu thơ: Đảo ngữ, kết hợp với sử dụng hình tượng con cò quen thuộc trong dân gian(đi với chữ thân)-> tội nghiệp, nặng trĩu thân phận, nỗi niềm...=>Nghệ thuật đối và khả năng sử dụng chất liệu ca dao ,dân ca đã thể hiện được sự hiểu biết, lòng xót thương da diết của nhà thơ đối với vợ mình.

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận (có thể sử dụng câu hỏi có trên tranh)

3. Hai câu luận:

Một duyên hai nợ âu đành phận

Năm nắng mười mưa dám quản công

Hóa thân vào thế giới tinh thần người vợ, Tú Xương chiêm nghiệm về duyên phận và thân phận người phụ nữ trong gia đình xưa => Hình tượng đẹp đẽ của người phụ nữ Việt Nam điển hình qua văn học. Nhưng sâu sắc và thấm thía vẫn là sự đồng cảm của người chồng hiểu biết trước những hi sinh, chịu đựng của người vợ thương chồng

4.Hai câu kết

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc

Có chồng hờ hững cũng như không

Là tiếng chửi đời, chửi mình: Ông Tú trách mình tầm thường, vô dụng. Chửi thói đời bạc bẽo vô tình khiến nhà thơ có tài mà vô dụng, bà Tú đảm đang mà vẫn nhọc nhằn. Thói đời ấy luôn vùi dập những người có tài năng và tâm huyết. => Ý nghĩa xã hội sâu sắc của tiếng chửi :

=> Nhân cách Tú xương sáng ngời qua tiếng chửi thấm đẫm nước mắt.

Giáo viên cho học sinh xem tranh cảnh gia đình hiện đại

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận(có thể sử dụng câu hỏi có trên tranh)

III. Tổng kết: Giáo viên nêu lại chủ đề và nghệ thuật bài thơ

Liên hệ ngày nay:

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận

Hình ảnh đẹp đẽ của người phụ nữ Việt Nam điển hình qua văn học xưa còn phù hợp với hiện tại không?

Điểm nào còn phù hợp?

Điểm nào không phù hợp?

Phụ nữ hiện đại thì nên có những phẩm chất, năng lực gì?

Giáo viên tổng hợp ý kiến phát biểu của học sinh và nhấn mạnh: Biểu hiện của yêu thương cần được thể hiện qua hành động cùng chịu trách nhiệm, cùng chia sẻ công việc, tạo cơ hội để cả hai có thể phát triển theo năng lực, mong đợi của từng giới.

Bài Chiếu thuyền ngoài xa

Sách giáo viên vẫn chủ yếu hướng vào ca ngợi sự nhẫn nại, hi sinh của người vợ, phụ nữ:

“Bề ngoài đó là một người đàn bà quá nhẫn nhục, cam chịu, bị chồng thường xuyên hành hạ, đánh đập thật khốn khổ: “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng”, vậy mà vẫn nhất quyết gắn bó với lão đàn ông vũ phu ấy. Chỉ qua những lời giải bày thật tình của người mẹ đáng thương đó mới thấy nguồn gốc của mọi sự chịu đựng, hi sinh của bà là tình thương vô bờ đối với những đứa con [...]. Nếu hiểu sự việc một cách đơn giản, chỉ cần yêu cầu người đàn bà bỏ chồng là xong. Nhưng nếu nhìn vấn đề một cách thấu suốt sẽ thấy suy nghĩ và cư xử của bà là không thể nào khác được. Trong khổ đau triền miên, người đàn bà ấy vẫn chất lọc được những niềm hạnh phúc nhỏ nhoi: “nhìn những đứa con ăn no, những lúc vợ chồng con cái sống hòa thuận, vui vẻ...”

Sách giáo viên bình luận: “một sự cam chịu, nhẫn nhục như thế thật đáng để chia sẻ, cảm thông. Thấp thoáng trong người đàn bà ấy là bóng dáng của biết bao người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung, giàu lòng vị tha, đức hi sinh”

Nếu chỉ nhìn theo cách này, vô tình chúng ta ủng hộ người phụ nữ khi bị bạo hành nên cam chịu, nhẫn nhục chịu đựng. Khắc phục những hạn chế này, chúng tôi tiến hành tổ chức giờ học như sau

I. Tìm hiểu chung:

Giới thiệu về tác giả Nguyễn Minh Châu và tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Người đàn bà hàng chài:

- Không tên, Ngoại hình:

=> Cuộc đời vất vả, lam lũ.

- Lời nói và hành động:

a. Trên bãi biển:

- Khi bị chồng đánh: *Không van xin, không chống trả, không chạy trốn.* => Cam chịu, nhẫn nhục

Giáo viên cho học sinh xem tranh cảnh người đàn ông đánh vợ.

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận (có thể sử dụng câu hỏi có trên tranh)

- Khi thằng Phác đánh lại cha: *Khóc, vái lạy con, ôm con...* => Đau đớn khi chứng kiến con đánh lại cha.

Giáo viên cho học sinh xem tranh cảnh gia đình hiện đại

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận (có thể sử dụng câu hỏi có trên tranh)

=> Chính sự nhẫn nhịn, chịu đựng của chị khiến người đàn ông cho rằng mình có quyền hành hạ vợ mỗi khi muốn chút giận. Cũng chính sự nhẫn nhịn của chị khiến thằng Phác vì muốn bảo vệ mẹ đã đánh lại cha, phạm vào tội bất hiếu.

=> Vậy người phụ nữ trong tình huống này cần đối diện với hành vi bạo lực, chị cần lên tiếng, bảo vệ bản thân mình.

b. Nơi công sở:

Giáo viên cho học sinh xem tranh, kết hợp tranh để phân tích nội dung.

- Khi mới đến:

+ Xưng hô: *Con – thưa quý tòa*; Xin không bỏ chồng.

+ Hành động lúng túng, sợ sệt.

=> Chị cho rằng mình là người có lỗi. Với chị, những người làm ở cơ quan chính quyền, tòa án rất xa cách. Họ không hiểu cuộc sống của gia đình chị.

- Khi hiểu thiện chí của Đầu:

+ Xưng hô: *Chị – các chú*.

+ Thái độ tự tin kể về mình.

=> Quan điểm về vai trò người phụ nữ trong gia đình: *Để con, nuôi con...phải gánh vác cái khổ.*=>Quan điểm về hạnh phúc: *“Con được ăn no”*. =>Chị chấp nhận bị chồng đánh và coi như thế là thương con hi sinh vì con. Nhưng sự chịu đựng của chị đã không mang lại hạnh phúc.

+ Chồng chị không thương vợ mà ngày càng tàn bạo hơn

+ Các con đau khổ vì chứng kiến cha đánh mẹ. Hơn nữa còn đẩy thẳng Phác tới hành động bất hiếu.

- Nguyên nhân những bi kịch trong gia đình hàng chài:

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận (có thể sử dụng câu hỏi có trên tranh)

+ Nguyên nhân trực tiếp: Sự tăm tối, thiếu hiểu biết pháp luật, thiếu kỹ năng giải quyết mâu thuẫn gia đình của 2 vợ chồng. Sự thờ ơ của cộng đồng xung quanh trước hành vi bạo lực. Tình trạng đói nghèo, đời sống bấp bênh gây tâm lý u uất, bế tắc.

+ Nguyên nhân sâu xa: Thói gia trưởng, coi vợ, con là sở hữu của mình, coi mình là trụ cột gia đình có quyền sinh, quyền sát, có quyền dùng vũ lực với vợ con.

=> Lên án thói gia trưởng, vũ phu, lên tiếng bảo vệ khát vọng được sống trong yêu thương, yên bình của thành viên trong gia đình, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

Nhận xét chung:

- Người phụ nữ lao động vất vả, khó khăn.

- Người mẹ thương con, chấp nhận bị hành hạ vì con.

Nhưng chị không hiểu những đứa con chị không chỉ cần được ăn no mà còn cần được nuôi dưỡng trong tình yêu thương, sự hòa thuận của cha mẹ. Thiên chức của người phụ nữ là sinh con và nuôi con bằng sữa mẹ. Nhưng sự chăm sóc, nuôi nấng con, giáo dục con là trách nhiệm của cả vợ và chồng.

II. Tình huống truyện: (dạy ở tiết hai)

III. Tổng kết:

1. Chủ đề: Cái nhìn đa diện về cuộc sống.

2. Liên hệ thực tế:

Giáo viên nêu câu hỏi thảo luận về thực tế bạo hành đang diễn ra tại khu vực dân cư nơi học sinh đang ở:

- Em đã bao giờ chứng kiến bạo hành gia đình?
- Bạo hành bằng những cách thức gì?
- Em làm gì khi chứng kiến?

=> Bạo lực không mang lại hạnh phúc. Chịu đựng, chấp nhận bạo lực sẽ làm tăng thêm bạo lực. Gia đình hòa thuận yêu thương là yếu tố đầu tiên để thoát khỏi đói nghèo.

3. KẾT LUẬN

1. Mục đích của đề tài

Với việc ứng dụng sáng kiến TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC GIỚI TRONG GIẢNG DẠY MÔN NGỮ VĂN, chúng tôi hướng tới kết quả:

- Giúp giáo viên có nhận thức về việc cần thiết tăng cường nhạy cảm giới trong giảng dạy, đồng thời lồng ghép nội dung nhạy cảm giới một cách phù hợp không khiên cưỡng .

- Học sinh tiếp thu bài học qua hình ảnh đồng thời nhận thức đầy đủ về nhạy cảm giới, từ đó các em có suy nghĩ và hành động phù hợp với thực tiễn cuộc sống, các em được trang bị thêm kĩ năng sống.

2. Tính thực tiễn của đề tài trong quá trình thực hiện

- Trong quá trình thực hiện chúng tôi nhận thấy bài học trở nên hấp dẫn, hứng thú hơn đối với học sinh. Giáo viên cũng phát huy được tính sáng tạo trong giảng dạy.

- Đề tài phù hợp với mục đích dạy học mà bộ giáo dục đề ra: tích hợp các kiến thức đời sống xã hội trong giờ học.

- Nội dung đề tài phù hợp với tâm lí lứa tuổi nên học sinh dễ dàng tiếp nhận.

3. Tính bền vững của đề tài

- Các tác phẩm lựa chọn để lồng ghép nội dung về giới đều tiêu biểu cho từng giai đoạn văn học.

- Nội dung lồng ghép không khiên cưỡng, phù hợp với nội dung bài học nên giáo viên dễ dàng thực hiện.

- Nội dung lồng ghép phù hợp với xu thế phát triển của thời đại nên học sinh dễ dàng tiếp nhận và áp dụng vào thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CÙNG CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN

1. Luật Bình đẳng giới: Việc thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới được đưa vào chương trình giáo dục trong nhà trường...

2. Nghị định 48/2009/NĐ-CP:

+ Nội dung, hình thức thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới phải bảo đảm:

+ Không mang định kiến giới, không tạo ra định kiến giới; loại bỏ mọi sự phân biệt đối xử về giới.

+ Người làm công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới phải có kiến thức về giới và bình đẳng giới.

3. Nghị định 48/2009/NĐ-CP:

+ Đưa nội dung về giới và bình đẳng giới vào các chương trình giáo dục trong nhà trường...

+ Lồng ghép nội dung về giới, bình đẳng giới trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp;

5. Nghị định 48/2009/NĐ-CP:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo... rà soát chương trình, tài liệu giảng dạy để loại bỏ những kiến thức, thông tin, hình ảnh thể hiện định kiến giới; định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức về giới, chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cho đội ngũ giáo viên thuộc hệ thống cơ sở đào tạo của từng ngành

6. Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020:

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì... thực hiện các nội dung giáo dục về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên; bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới.

+ Lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành

7. Luật Phòng chống bạo lực gia đình

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc lồng ghép kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình vào các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với yêu cầu của từng ngành học, cấp học;

+ Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có trách nhiệm thực hiện chương trình giáo dục lồng ghép kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình

9. Nhạy cảm giới trong sách giáo khoa và sách giáo viên môn Ngữ văn dành cho học sinh THPT – Nguyễn Thị Tuyết Minh – học viện Báo chí và tuyên truyền.